TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/2018/QĐST-HNGĐ	*Điện Bàn, ngày 27 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN-TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Hướng dẫn số 310/TANDTC-PC ngày 11/10/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao về việc: Hướng dẫn nghiệp vụ, triển khai thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 28/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1995

Nơi cư trú: Khối NT, phường ĐA, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông Hà Ngọc A - Sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Khối NT, phường ĐA, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Hà Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐA, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Hà Ngọc A là hợp pháp. Trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị L và ông Hà Ngọc A thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Có 1 con chung Hà Nguyễn Hoàng H – Sinh ngày 11/5/2017. Hai đương sự thỏa thuận giao con Hà Nguyễn Hoàng Hi cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hà Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là

1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng được tính từ tháng 01/2019 cho đến khi Hà Nguyễn Hoàng H đủ 18 tuổi.

Ông Hà Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự bà Nguyễn Thị L và ông Hà Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thuận tình ly hôn và thỏa thuận việc nuôi con, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Hà Ngọc A thuận tình ly hôn.

b) Về con chung: Có 01 con chung

Giao con Hà Nguyễn Hoàng H – Sinh ngày: 11/5/2017 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng (Hà Nguyễn Hoàng H hiện nay đang sống cùng bà Nguyễn Thị L)

Ông Hà Ngọc A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện định kỳ hằng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ tháng 01/2019 cho đến khi Hà Nguyễn Hoàng H đủ 18 tuổi.

Ông Hà Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị L và ông Hà Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0001634 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Nguyễn Thị L và ông Hà Ngọc A đã nộp đủ lệ phí Sơ thẩm.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự,

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự**.**

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự;
- VKSND TX Điện Bàn;
- UBND phường ĐA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Nhung